

Số: *A* /QĐ-NHNN

Hà Nội, ngày 06 tháng 01 năm 2010

QUYẾT ĐỊNH

**Về danh mục giấy tờ có giá được sử dụng trong các giao dịch
của Ngân hàng Nhà nước**

THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 1997; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2003;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng năm 1997; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2004;

Căn cứ Nghị định số 96/2008/NĐ-CP ngày 26/8/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Căn cứ Quyết định số 01/2007/QĐ-NHNN ngày 05/01/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước ban hành Quy chế nghiệp vụ thị trường mở; Quyết định số 27/2008/QĐ-NHNN ngày 30/09/2008 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế nghiệp vụ thị trường mở ban hành kèm theo Quyết định số 01/2007/QĐ-NHNN;

Căn cứ Thông tư số 03/2009/TT-NHNN ngày 02/3/2009 của Ngân hàng Nhà nước quy định về việc cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước đối với các ngân hàng; Thông tư số 11/2009/TT-NHNN ngày 27/5/2009 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước sửa đổi Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 03/2009/TT-NHNN;

Căn cứ Quyết định số 898/2003/QĐ-NHNN ngày 12/8/2003 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc ban hành Quy chế chiết khấu, tái chiết khấu của Ngân hàng Nhà nước đối với các ngân hàng; Quyết định số 12/2008/QĐ-NHNN ngày 29/4/2008 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc sửa đổi một số điều của Quy chế chiết khấu, tái chiết khấu của Ngân hàng Nhà nước đối với các ngân hàng ban hành kèm theo Quyết định số 898/2003/QĐ-NHNN;

Căn cứ Quyết định số 04/2007/QĐ-NHNN ngày 22/01/2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước về việc thấu chi và cho vay qua đêm áp dụng trong thanh toán điện tử liên ngân hàng.

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tín dụng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ngân hàng Nhà nước quy định các loại giấy tờ có giá được sử dụng trong các giao dịch nghiệp vụ thị trường mở, cho vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá, chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá, thấu chi và cho vay qua đêm áp dụng trong thanh toán điện tử liên ngân hàng (sau đây gọi chung là các giao dịch với Ngân hàng Nhà nước) tại Ngân hàng Nhà nước như sau:

1. Các giấy tờ có giá được sử dụng trong các giao dịch với Ngân hàng Nhà nước:

1.1. Tín phiếu Ngân hàng Nhà nước.

1.2. Trái phiếu Chính phủ, bao gồm:

a. Tín phiếu Kho bạc;

b. Trái phiếu Kho bạc;

c. Trái phiếu công trình Trung ương;

d. Công trái xây dựng Tổ quốc.

đ. Trái phiếu Chính phủ do Ngân hàng Phát triển Việt Nam (trước đây là Quỹ Hỗ trợ phát triển) được Thủ tướng Chính phủ chỉ định phát hành.

1.3. Trái phiếu được Chính phủ bảo lãnh, bao gồm:

a. Trái phiếu do Ngân hàng Phát triển Việt Nam phát hành được Chính phủ bảo lãnh thanh toán 100% giá trị gốc, lãi khi đến hạn;

b. Trái phiếu do Ngân hàng Chính sách xã hội phát hành được Chính phủ bảo lãnh thanh toán 100% giá trị gốc, lãi khi đến hạn.

1.4. Trái phiếu Chính quyền địa phương do Ủy ban Nhân dân thành phố Hà Nội và Ủy ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh phát hành.

2. Các giấy tờ có giá quy định tại khoản 1 trên đây phải có đủ các điều kiện sau:

2.1. Lưu ký tại Ngân hàng Nhà nước;

2.2. Thuộc quyền sở hữu hợp pháp của tổ chức tín dụng;

2.3. Tổ chức phát hành không được sử dụng các loại giấy tờ có giá do tổ chức đó phát hành để tham gia giao dịch với Ngân hàng Nhà nước.

Điều 2. Quy định về giấy tờ có giá sử dụng trong giao dịch nghiệp vụ thị trường mở của Ngân hàng Nhà nước

1. Ngoài các quy định tại khoản 2 Điều 1 Quyết định này, các loại giấy tờ có giá quy định tại tiết đ điểm 1.2, điểm 1.3, điểm 1.4 khoản 1 Điều 1 Quyết định này chỉ được sử dụng trong giao dịch mua có kỳ hạn của Ngân hàng Nhà nước qua nghiệp vụ thị trường mở.

2. Các loại giấy tờ có giá quy định tại khoản 1 Điều 1 Quyết định này phải là các giấy tờ có giá được phát hành dưới hình thức ghi sổ.

3. Tỷ lệ chênh lệch giữa giá trị giấy tờ có giá tại thời điểm định giá và giá thanh toán trong giao dịch mua, bán có kỳ hạn giữa Ngân hàng Nhà nước với tổ chức tín dụng được quy định như sau:

3.1. Đối với các loại giấy tờ có giá quy định tại điểm 1.1, điểm 1.2, điểm 1.3 khoản 1 Điều 1 Quyết định này có thời hạn còn lại:

- a. Dưới 1 năm: 0%;
- b. Từ 1 năm đến 5 năm: 5%;
- c. Từ trên 5 năm: 10%.

3.2. Đối với các loại giấy tờ có giá quy định tại điểm 1.4 khoản 1 Điều 1 Quyết định này là 20%.

Điều 3. Thứ tự ưu tiên và tỷ lệ giữa giá trị giấy tờ có giá và số tiền vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá tại Ngân hàng Nhà nước

1. Các giấy tờ có giá quy định tại điểm 1.1, điểm 1.2, điểm 1.3 khoản 1 Điều 1 Quyết định này là giấy tờ có giá cấp 1 và phải có giá trị tối thiểu bằng 105% số tiền vay cầm cố tại Ngân hàng Nhà nước.

2. Các giấy tờ có giá quy định tại điểm 1.4 khoản 1 Điều 1 Quyết định này là giấy tờ có giá cấp 2 và phải có giá trị tối thiểu bằng 120% số tiền vay cầm cố tại Ngân hàng Nhà nước.

Điều 4. Quy định về giấy tờ có giá sử dụng trong nghiệp vụ chiết khấu, tái chiết khấu giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước

Các loại giấy tờ có giá quy định tại tiết đ điểm 1.2, điểm 1.3, 1.4 khoản 1 Điều 1 Quyết định này chỉ được sử dụng trong giao dịch chiết khấu có kỳ hạn giấy tờ có giá của Ngân hàng Nhà nước.

Điều 5. Quy định về giấy tờ có giá sử dụng trong nghiệp vụ thấu chi và cho vay qua đêm trong thanh toán điện tử liên ngân hàng

1. Mức thấu chi và cho vay qua đêm được bảo đảm bằng các giấy tờ có giá quy định tại điểm 1.1, điểm 1.2, điểm 1.3 khoản 1 Điều 1 Quyết định này tối đa bằng 95% giá trị giấy tờ có giá tại thời điểm định giá.

2. Mức thấu chi và cho vay qua đêm được bảo đảm bằng các giấy tờ có giá quy định tại điểm 1.4 khoản 1 Điều 1 Quyết định này tối đa bằng 80% giá trị giấy tờ có giá tại thời điểm định giá.

Điều 6. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1909/QĐ-NHNN ngày 30/12/2005 của Ngân hàng Nhà nước về việc các tổ chức tín dụng sử dụng một số loại trái phiếu trong các giao dịch tái cấp vốn của Ngân hàng Nhà nước, Quyết định số 86/QĐ-NHNN ngày 08/01/2007 của Ngân hàng Nhà nước về danh mục các loại giấy tờ có giá, tỷ lệ chênh lệch giữa giá trị giấy tờ có giá tại thời điểm định giá và giá thanh

toán, tỷ lệ giao dịch của các loại giấy tờ có giá qua nghiệp vụ thị trường mở, Quyết định số 441/QĐ-NHNN ngày 2/3/2009 của Ngân hàng Nhà nước về danh mục, thứ tự ưu tiên, tỷ lệ giữa giá trị giấy tờ có giá và số tiền vay có bảo đảm bằng cầm cố giấy tờ có giá tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Điều 7. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Tín dụng, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước chi nhánh các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc (Giám đốc) các tổ chức tín dụng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 7;
- Ban lãnh đạo NHNN;
- Lưu VP, TD(5).

K^ý THỐNG ĐỐC ^{ly}
PHÓ THỐNG ĐỐC



NGUYỄN ĐỒNG TIẾN